|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO  TRƯỜNG THCS THÁI SƠN  **A. Ma trân** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**  **NĂM HỌC: 2023 – 2024**  **Môn: Địa lí 9**  *( Thời gian làm bài: 45 phút)* |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | **Tổng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |  |
| **Chủ đề 1:**  **Dân cư Việt Nam** | Biết được các dân tộc, dân số, sự gia tăng dân số, cơ cấu dân số,tỉ lệ LĐ qua đào tạo, sự phân bố dân cư, các loại hình quần cư. |  |  | Hiểu được sự phân bố dân cư không đồng đều |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 10  4,0đ  40% |  |  | 1  1,0  10% |  | 11  5,0đ  50 % |
| **Chủ đề 2:**  **Kinh tế Việt Nam** |  |  | Hiểu được đặc điểm nền KT, sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế. |  | Vận dụng vẽ biểu đồ và nhận xét nhận xét, giải thích sự chuyển dịch cơ cấu KT. |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ% |  |  | 5  2,0đ  20 % |  | 1  3,0đ  30% | 6  5,đ  50% |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỷ lệ % | 10  4,0đ  40% | | 6  3,0 đ  30% | | 1  3,0đ  30% | 17  10đ  100% |

**II. ĐỀ BÀI**

**Phần 1: Trắc nghiệm ( 6,0 điểm )**

***Câu 1. : Nước ta bùng nổ dân số xảy ra vào:***

A. những năm cuối thế kỷ 20. B. cuối năm 70 của thế kỷ 20.

C**.** cuối năm 50 của thế kỷ 20 . D. những của thế kỷ 20.

Câu **2. *Đâu* không *phải hạn chế của nguồn lao động Việt Nam?***

A**.**  Thể lực yếu B**.**  Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp

C**.**  Trình độ chuyên môn chưa cao.. D**.**  Chủ yếu lao động chưa qua đào tạo.

***Câu 3.* Nước ta có :**

A.51 dân tộc B.50 dân tộc C. 54 dân tộc D. 53 dân tộc

.  ***Câu 4:*** ***Vùng có tỉ lệ gia tăng tự nhiên thấp nhất của dân số nước ta là:***

A. Đồng bằng sông Hồng B. Tây Nguyên C. Đông Nam Bộ D. Đồng bằng sông Cửu Long

***Câu 5*** ***Hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất nước ta là:***

A. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Trung du miền núi phía Bắc.

C. Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ

D.. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

***Câu 6.*** ***Vùng có mật độ dân số cao nhất ở nước ta hiện nay là***

A. Bắc Trung Bộ. B. ĐB sông Hồng. C. ĐB sông Cửu Long. D. Đông Nam Bộ

***Câu 7: Ở nước ta, dân tộc có số dân đông nhất là:***

A. Chăm B. Nùng C. Việt D. Tày

***Câu 8: Biểu hiện nào sau đây thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ?***

A**.** Trong nông nghiệp đã hình thành các vùng chuyên canh.

B**.** Kinh tế cá thể được thừa nhận và ngày càng phát triển.

C**.** Giảm tỉ trọng khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

D**.** Công nghiệp là ngành có tốc độ phát triển nhanh nhất.

***Câu 9: Thủy năng của sông suối tạo cơ sở phát triển ngành công nghiệp nào?***

A. Công nghiệp năng lượng. B. Công nghiệp chế biến.

C. Công nghiệp hóa chất. D. Công nghiệp vật liệu xây dựng.

***Câu 10 : Nội dung nào sau đây không phải là đặc điểm của ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta?***

A. Có thể mạnh lâu dài.

B. Mang lại hiệu quả cao.

C. Dựa hoàn toàn vào vốn đầu tư nước ngoài.

D. Tác động mạnh mẽ đến việc phát triển các ngành kinh tế khác.

***Câu 11 . Ngành công nghiệp nhiệt điện phát triển mạnh nhất ở Quảng Ninh là do:***

A. nhiều sắt. B. có nguồn tài nguyên than với trữ lượng lớn.

C. nhiều núi đá vôi. D. diện tích rừng lớn

***Câu 12. Đô thị nào trong các đô thị dưới đây có quy mô lớn nhất ?***

A. TP Hồ Chí Minh. B. Đà Nẵng. C. Huế. D. Hải Phòng.

***Câu 13. Cơ cấu lao động phân theo ngành kinh tế đang có sự chuyển dịch theo hướng:***

A. giảm tỷ trọng ngành nông ,lâm, ngư nghiệp.

B. tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ.

C. giảm tỉ trọng lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp, tăng tỉ trọng lao động trong ngành công nghiệp và dịch vụ.

D. tăng tỷ trọng trong ngành nông lâm ngư.

**Câu 14.*Ý nào sau đây* không phải *là đặc điểm của ngành nông nghiệp nước ta?***

A. Trồng trọt vẫn là ngành chính. B. Phát triển vững chắc.

C. Sản phẩm đa dạng. D. Chăn nuôi chiếm tỉ trọng cao.

**Câu 15** .***Ngành đánh bắt thuỷ sản xa bờ nước ta còn hạn chế là do:***

A. thiếu vốn đầu tư B. thiên nhiên nhiều thiên tai

C. ngư dân ngại đánh bắt xa bờ D. môi trường bị ô nhiễm, suy thoái

**II. Tự luận(4đ)**

**Câu 1:**  (1.0đ) Trình bày đặc điểm phân bố dân cư nước ta .

**Câu 2( 3.0đ ):** Dựa vào bảng số liệu dưới đây, hãy vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt vào thời điểm năm 1990 và năm 2002. Qua đó nêu lên nhận xét về sự thay đổi tỉ trọng cây lương thực và cây công nghiệp. Sự thay đổi nầy nói lên điều gì?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Năm***  ***Các nhóm cây*** | 1990 | 2002 |
| **Cây lương thực**  **Cây công nghiệp**  **Cây ăn quả, rau đậu và cây khác** | 67,1  13,5  19,4 | 60,8  22,7  16,5 |

***III. Đáp án và hướng dẫn chấm.***

***Phần đáp án câu trắc nghiệm: (6đ). Mỗi đáp án đúng 0,4đ***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | ***Đáp án*** | ***Câu*** | ***Đáp án*** | ***Câu*** | ***Đáp án*** |
| **1** | **C** | **6** | **B** | **11** | **B** |
| **2** | **B** | **7** | **C** | **12** | **A** |
| **3** | **C** | **8** | **A** | **13** | **D** |
| **4** | **A** | **9** | **A** | **14** | **D** |
| **5** | **D** | **10** | **D** | **15** | **A** |

***Phần đáp án câu trắc nghiệm: (6đ). Mỗi đáp án đúng 0,4đ***

***Phần đáp án câu tự luận (4đ*)**

**Câu hỏi 1(1đ):** - Dân cư nước ta phân bố không đều

+ Tập trung đông ở đồng bằng, ven biển và các đô thị; thưa thớt ở miền núi và cao nguyên.

+ Phân bố dân cư giữa thành thị và nông thôn cũng chênh lệch nhau (khoảng 74% dân số sinh sống ở nông thôn)

**Câu hỏi 2(3đ)** :

Vẽ biểu đồ : vẽ đúng hai biểu đồ hình tròn .( *1,5 đ)*

***Nhận xét:*** Từ 1990 đến 2002 giảm tỉ trọng cây lương thực , tăng tỉ trọng cây công nghiệp(*. 0,75đ)*

Sự thay đổi nầy đã phá thế độc canh trong nông nghiệp*. 0,75đ)*

Xác nhận của BGH Xác nhận của tổ CM Người ra đề

Dư Thị Khiến Trần Thị Gấm